TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **55**/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 05 - 02 -2018
V/v tranh chấp "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Phát
Các Hội thẩm nhân dân :
1. Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt
2. Bà Đinh Kim Hoàng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Cao Đăng Huy – Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 500/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2018/QĐST – HNGĐ ngày 24/01/2018 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 24/01/2018, giữa:

Nguyên đơn: bà Phan Thị Thúy K, sinh năm 1988 (có yêu cầu vắng mặt)
Địa chỉ: 1768/10/8/18 Đường TL, Phường TT, Quận BT, TP.HCM.

Bị đơn: ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1989
Địa chỉ: K4 Cư xá VH, Đường BVĐ, Phường S, Quận T, TP. Hồ Chí Minh.
(vắng mặt không có lý do mặt dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 13/9/2017, các lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Phan Thị Thúy K trình bày: Bà và ông Nguyễn Đình H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hòa hợp nhau, ông H không lo làm ăn, lại lăng nhăng và hay đánh đập bà. Hai người đã ly thân từ năm 2010. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông H để ổn định cuộc sống.

Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Phan Đình N, sinh ngày 17/06/2007. Bà K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nghĩa vụ dân sự chung: không có.

Bị đơn vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án tống đạt triệu tập hợp lệ: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ông H cũng không gửi văn bản có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án nên không thể thu thập ý kiến của phía bị đơn. Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường 6, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh thì ông H thường trú và vẫn còn trú tại Cư xá VH, Đường BVĐ, Phường S, Quận T, TP. Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt, nguyên đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nhưng vẫn giữ yêu cầu ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Việc Tòa án thụ lý vụ án vá quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý và giải quyết vụ án đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Về nội dung của vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về tố tụng: bà K có đơn khởi kiện xin được ly hôn với ông Nguyễn Đình H. Ông H hiện đang cư trú tại Quận 4, TP. Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 4.

Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, Bị đơn đã được Tòa án tống đạt triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nH vẫn vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về yêu cầu của các đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai nhận của đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: bà K và ông H tự nguyện chung sống năm 2008 và có đăng ký kết hôn. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà và ông là hôn nhân hợp pháp. Ông H vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án tống đạt triệu tập hợp lệ nhiều lần nên không có lời khai của ông.

Xét thấy, quan hệ vợ chồng của ông, bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng và mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56, Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 việc bà K yêu cầu được ly hôn với ông H là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ lời khai nhận của đương sự, bản sao giấy khai sinh, có cở sở xác định bà K và ông H có 01 con chung tên là Nguyễn Phan Đình N, sinh ngày 17/06/2007. Khi ly hôn, bà K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng.

Căn cứ vào bản tự khai của con chung thì nguyện vọng của con là muốn sống với mẹ. Xét, đây là nguyện vọng và là sự tự nguyện của con, phù hợp với ý kiến của bà K, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nghĩ nên ghi nhận. Giao cháu N cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng, bà K tự nguyện không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng: xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147; Điều 227; Điều 271 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 9; 53; 56; 57; 81; 82; 83; 84; 131 Luật Hôn nhân và gia đình có hiệu lực ngày 01/01/2015;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phan Thị Thúy K.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Phan Thị Thúy K được ly hôn với ông Nguyễn Đình H (Giấy chứng nhận kết hôn số 32/2009, do Ủy ban nhân dân xã ĐP, huyện MĐ, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 20/02/2009).

- Về con chung: bà K và ông H có 01 con chung tên là Nguyễn Phan Đình N, sinh ngày 17/06/2007. Giao cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng, bà K không yêu cầu ông H cấp dưỡng.

Ông H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở, nH không ai được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng: Bà K xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Phan Thị Thúy K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nH được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008119 ngày 03/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4. Bà K đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo của đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTp. HCM;
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Chi cục THADS Quận 4;
- UBND xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu VP – HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Huỳnh Tấn Phát